

Số: 208/2022/UHY -BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Thái Bình

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Thái Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 04 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Thái Bình tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2021

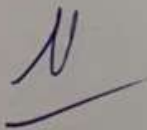
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228.522.204.781	213.820.728.971
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.709.389.139	40.244.046.260
Tiền	111		28.505.840.266	32.223.005.164
Các khoản tương đương tiền	112		10.203.548.873	8.021.041.096
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15	10.778.416.095	9.006.447.123
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.778.416.095	9.006.447.123
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.562.174.113	33.545.615.893
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.294.382.331	29.928.450.153
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.709.257.264	2.329.531.072
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.558.534.518	1.287.634.668
Hàng tồn kho	140		130.735.607.674	126.097.464.854
Hàng tồn kho	141	9	131.302.154.320	126.736.004.043
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(566.546.646)	(638.539.189)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.736.617.760	4.927.154.841
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.715.115.111	4.830.205.319
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	21.502.649	96.949.522
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.809.396.163	227.565.429.487
Tài sản cố định	220		165.650.029.061	190.199.220.342
Tài sản cố định hữu hình	221	11	159.864.241.183	183.617.679.403
- Nguyên giá	222		376.053.501.253	372.831.710.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(216.189.260.070)	(189.214.031.227)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	5.785.787.878	6.581.540.939
- Nguyên giá	225		7.957.530.606	7.957.530.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.171.742.728)	(1.375.989.667)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		88.560.000	88.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.560.000)	(88.560.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		30.803.456.668	30.803.456.668
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	30.803.456.668	30.803.456.668
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	900.000.000	900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		900.000.000	900.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.455.910.434	5.662.752.477
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.455.910.434	5.662.752.477
TỔNG TÀI SẢN	270		432.331.600.944	441.386.158.458

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		194.053.146.521	214.684.078.210
Nợ ngắn hạn	310		186.065.044.523	199.079.226.212
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	40.622.664.255	59.391.923.462
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	372.490.838	254.677.081
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.975.546.906	2.092.558.350
Phải trả người lao động	314		9.045.229.000	8.627.470.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	733.986.373	610.778.239
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.894.254.538	1.741.077.538
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	124.782.117.556	124.721.985.986
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.638.755.056	1.638.755.056
Nợ dài hạn	330		7.988.101.998	15.604.851.998
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.125.000.000	1.200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	6.863.101.998	14.404.851.998
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.278.454.424	226.702.080.248
Vốn chủ sở hữu	410	22	238.278.454.424	226.702.080.248
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.006.215.595	2.006.215.595
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.272.238.828	24.695.864.653
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.695.864.653	17.044.409.675
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.576.374.175	7.651.454.978
TỔNG NGUỒN VỐN	440		432.331.600.944	441.386.158.458

Thái Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Lê Thị Liên



Giám đốc



Đỗ Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH ÓP LÁT THÁI BÌNH
Lô đất 33.954,4m², xã Đồng Lâm,
Huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	416.443.143.244	423.892.762.057
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	11.254.799.606	15.681.459.485
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		405.188.343.638	408.211.302.572
Giá vốn hàng bán	11	26	355.049.861.811	361.504.931.909
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.138.481.827	46.706.370.663
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	917.036.901	820.262.338
Chi phí tài chính	22	28	9.980.489.026	11.395.278.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.916.725.127	11.307.355.070
Chi phí bán hàng	25	29	13.530.357.750	13.762.734.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	14.040.024.436	14.429.942.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.504.647.516	7.938.676.719
Thu nhập khác	31	32	1.131.573.426	1.649.877.952
Chi phí khác	32	33	8.786.413	291.160.073
Lợi nhuận khác	40		1.122.787.013	1.358.717.879
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.627.434.529	9.297.394.598
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.051.060.354	1.645.939.620
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.576.374.175	7.651.454.978

Thái Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Lê Thị Liên

Kế toán trưởng

Lê Thị Liên

Giám đốc



Đỗ Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH ÓP LÁT THÁI BÌNH

Lô đất 33.954,4m², xã Đồng Lâm,
Huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.627.434.529	9.297.394.598
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.770.981.904	32.933.513.037
Các khoản dự phòng	03		(71.992.543)	638.539.189
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		109.062.392	(14.246.037)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(881.468.710)	(805.194.446)
Chi phí lãi vay	06		9.916.725.127	11.307.355.070
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.470.742.699	53.357.361.411
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(10.895.973.672)	(493.722.536)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.566.150.277)	(10.863.237.929)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.762.802.302)	(15.518.448.673)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		321.932.251	(1.272.758.388)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.002.094.271)	(11.336.037.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(457.665.317)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.107.989.111	13.873.156.272
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.125.811.523)	(13.651.485.530)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.771.968.972)	(2.561.447.123)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.260.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		739.361.034	758.745.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.158.419.461)	(14.194.187.594)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2021

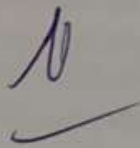
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	40.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		257.869.245.718	195.136.623.605
Tiền trả nợ gốc vay	34		(265.350.864.148)	(235.660.541.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.481.618.430)	(523.918.317)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.532.048.780)	(844.949.639)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	40.244.046.260	41.088.986.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.608.341)	8.987
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	38.709.389.139	40.244.046.260

Thái Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2022

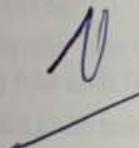
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Liên



Lê Thị Liên



Đỗ Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH ÓP LÁT THÁI BÌNH